

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm tích cực trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như ngân hàng, chứng khoán, bất động sản với thanh khoản cải thiện

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm trước đà tăng tích cực của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn

[Thông tin doanh nghiệp]

MWG, NVL

[Cập nhật công ty]

CTG

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị chỉ mở mua mới quanh các ngưỡng hỗ trợ gần của cổ phiếu mục tiêu nhưng khống chế tỷ trọng ở mức an toàn

25/11/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	971.46	+2.51
VN30	967.49	+2.84
HĐTL VN30F1M	969.00	+3.21
HNXIndex	196.77	+2.90
HNX30	316.55	+4.79
UPCoM	68.41	+1.33
USD/VND	24,804	-0.13
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.91	+0
Lãi suất qua đêm (%)	5.57	+7
Dầu (WTI, \$)	78.66	+0.92
Vàng (LME, \$)	1,752.66	-0.15



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 971.46 (+2.51%)
KLGD (triệu CP) 622.5 (+39.7%)
GTGD (triệu US\$) 391.7 (+16.4%)

TTCK Việt Nam tăng điểm tích cực trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như ngân hàng, chứng khoán, bất động sản với thanh khoản cải thiện. Khối ngoại mua ròng, tập trung ở CTG (+4.9%), VHM 4.4%), HPG (+6.6%).

HNXIndex 196.77 (+2.90%)
KLGD (triệu CP) 57.1 (-5.7%)
GTGD (triệu US\$) 25.0 (-6.1%)

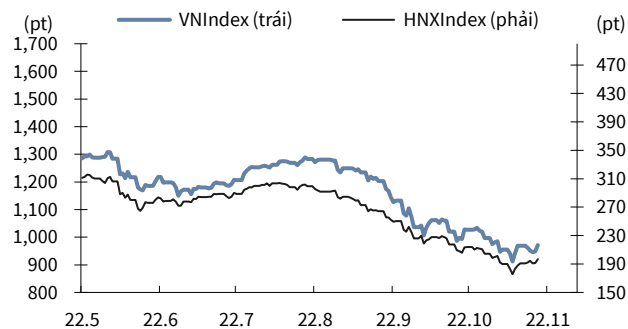
Vietcombank quyết định giảm lãi suất tới 1.0%/năm đối với các khoản vay VND cho các khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân hiện hữu với thời gian triển khai từ 01/11/2022 đến hết 31/12/2022, tác động tích cực tới nhóm Ngân hàng. Cổ phiếu nhóm Ngân hàng tăng giá ở VCB (+0.1%), BID (+5.3%), CTG (+4.9%).

UPCoM 68.41 (+1.33%)
KLGD (triệu CP) 58.3 (+109.3%)
GTGD (triệu US\$) 11.3 (+9.2%)

Xuất khẩu dệt may trong 10 tháng năm 2022 đạt gần 38 tỷ USD, tăng 17.2% so với cùng kỳ 2021, tác động tích cực tới nhóm dệt may. Cổ phiếu Dệt may tăng giá ở TNG (+7.2%), MSH (+1.35%), GIL (+6.99%).

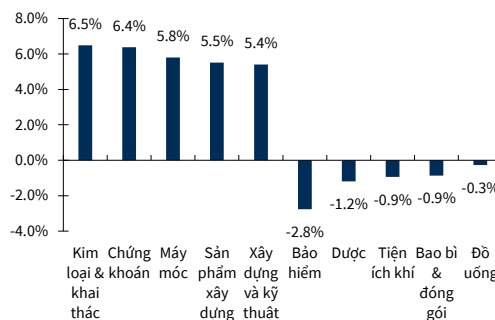
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +39.8

VNIndex & HNXIndex



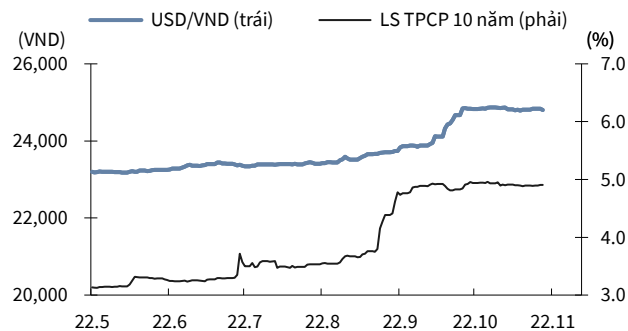
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



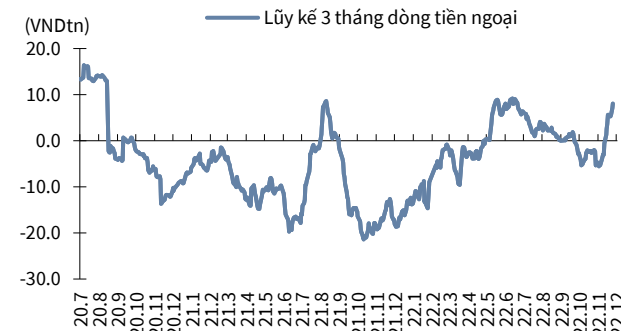
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

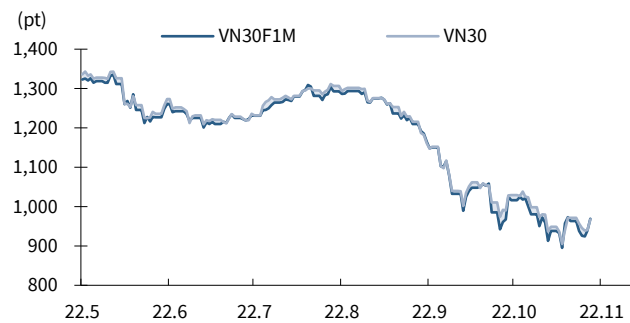
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	967.49 (+2.84%)
VN30F1M	969.0 (+3.21%)
Mở cửa	946.5
Cao nhất	969.0
Thấp nhất	945.3

Các HĐTL tăng điểm trước đà tăng tích cực của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Chênh lệch F2212 và chỉ số VN30 đạt cao nhất trong đầu tiên sáng tại mức 11.74 điểm sau đó thu hẹp và biến động trong biên độ hẹp quanh mức -1.48 điểm, đóng cửa ở mức 1.51 điểm. Khối lượng giao dịch tiếp tục giảm.

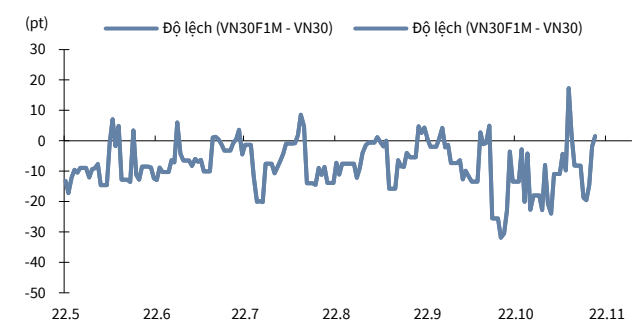
KLGD (HĐ) **365,240 (-18.3%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



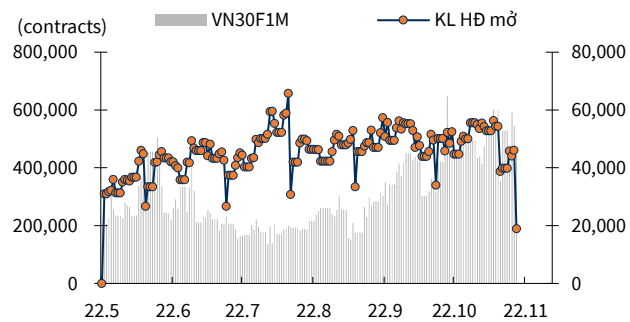
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



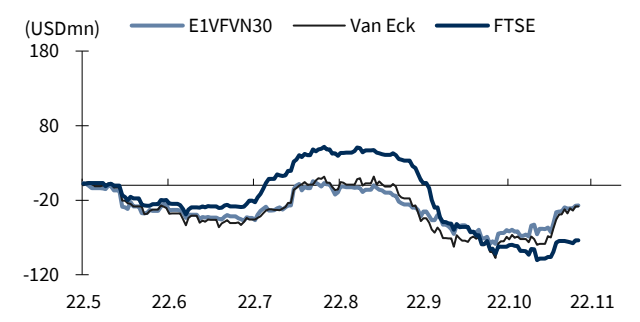
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

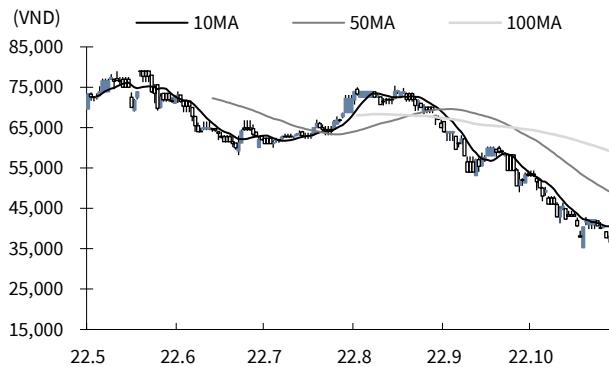
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Thế giới di động (MWG)

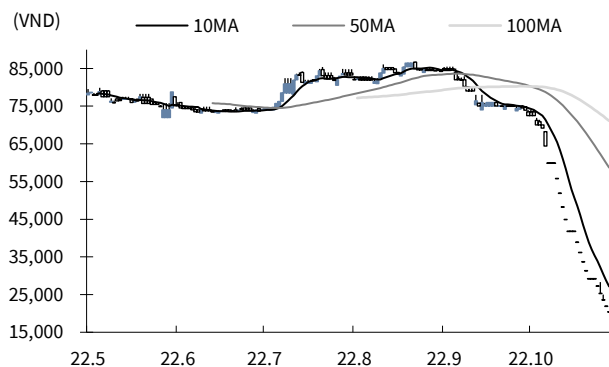


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG tăng 0.3% lên 37,800 VND/cp

- Tháng 10/2022, Thế giới di động cho biết doanh thu thuần đạt 10,900 tỷ, giảm 11% so với cùng kỳ. Theo đó, lũy kế 10 tháng đầu năm, công ty đạt 113,700 tỷ đồng doanh thu, tăng 15% YoY. Trong đó, chuỗi Thế giới Di động và Điện Máy Xanh đạt 8,300 tỷ, giảm 18% YoY và chuỗi Bách Hóa Xanh thu về 2,370 tỷ, tăng 22% so với cùng kỳ. BHX đang hòa vốn EBITDA ở cấp độ Công ty.

Novaland (NVL)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NVL giảm 0.6% xuống 20,450 VND/cp

- CTCP NovaGroup thông báo đăng ký bán 150 triệu cổ phiếu NVL, tương đương gần 7.7% vốn điều lệ để bổ sung các nguồn vốn để thực hiện các phương án xử lý trái phiếu. Sau giao dịch, số cổ phiếu NVL mà NovaGroup nắm giữ sẽ giảm xuống còn 560.9 triệu cổ phiếu, tương đương 28.768% vốn điều lệ. Thời gian dự kiến giao dịch từ 30/11 – 29/12/2022.

11/25/2022

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

3Q2022, LNTT đạt 4,157 tỷ VND, tăng 35.8% YoY

NIM 3Q2022 tăng 11 bps QoQ nhờ tăng tỷ trọng cho vay bán lẻ - SME và cải thiện CASA

Tỷ lệ nợ xấu đạt 1.42%, tăng 7bps QoQ, nợ nhóm 2 tăng mạnh

Kỳ vọng nguồn vốn huy động được cải thiện nhờ tăng lãi suất

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 31,000 VND/cp

3Q2022, CTG có thu nhập lãi thuần đạt 12,924 tỷ VND (+7.6% QoQ, +30.9% YoY); LNTT 3Q2022 đạt 4,157 tỷ VND (-28.2% QoQ, +35.8% YoY). Lũy kế 9 tháng đầu năm, LNTT đạt 15,764 tỷ VND, tăng 13.3% YoY với tăng trưởng tín dụng đạt 10.2% YTD.

Lãi suất đầu ra bình quân 3Q2022 đạt 6.25%, tăng 19bps chủ yếu nhờ CTG tăng tỷ trọng cho vay bán lẻ - SME, vốn là nhóm có tỷ suất lợi nhuận cao hơn. Trong khi đó, mặc dù lãi suất thị trường 2 tăng nhưng chi phí đầu vào chỉ tăng nhẹ 9bps QoQ nhờ tỷ lệ CASA được cải thiện (+55bps QoQ) khiến NIM 3Q2022 đạt 2.95%, tăng 11bps QoQ.

Tỷ lệ nợ xấu 3Q2022 đạt 1.42%, tăng 7bps QoQ. Trong khi đó, nợ nhóm 2 đạt 1.80%, tăng mạnh 55bps QoQ trong đó phần lớn đến từ nhóm khách hàng được cơ cấu nợ đã trả nợ đủ theo lịch cơ cấu và được chuyển vào nợ nhóm 2 để theo dõi.

Kỳ vọng tăng trưởng huy động của CTG sẽ được cải thiện trong 3 tháng cuối năm khi ngân hàng đã có động thái đẩy mạnh lãi suất huy động trong tháng 10-11 qua đó đảm bảo an toàn thanh khoản và có nguồn lực phục vụ tăng trưởng tín dụng.

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu CTG. Giá mục tiêu cho năm 2023 là 31,000VND/cp, cao hơn 22.0% so với giá tại ngày 24/11/2022.

MUA

Giá mục tiêu VND31,000

Tăng/Giảm	22.0%
Giá hiện tại (22/11/2022)	VND25,400
Giá mục tiêu thị trường	VND31,561
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	117,260

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	15.81%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	136/5.5
Sở hữu nước ngoài (%)	27.24%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (64.46%)

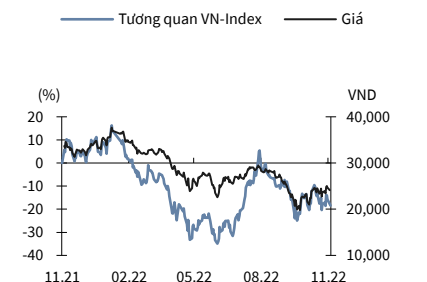
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	7	-15	-14	-25
Tương đối	0	-14	1	-18

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	35,580	41,789	47,485	48,617
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	29,288	35,971	43,146	45,774
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	13,720	14,089	16,060	18,216
EPS (VND)	3,685	2,932	3,342	3,790
Tăng trưởng EPS (%)	45%	-20%	14%	13%
PER (x)	7.9	9.9	8.7	7.7
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	22,939	19,487	22,221	25,512
PBR (x)	1.27	1.49	1.31	1.14
ROE (%)	16.9%	15.9%	16.1%	16.0%
Tỷ suất cổ tức tiền mặt (%)			1.14%	1.14%

Nguồn: Fiiipro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm giảm co trong phiên trước khi mở rộng đà tăng hưng phấn đến cuối phiên.
- Lực cầu gia tăng cùng với thanh khoản cải thiện đã giúp cho chỉ số nới rộng đà hồi phục của phiên liền trước và hình thành mẫu nến tuần doji chân dài tích cực. Mặc dù xu hướng giảm điểm trong trung hạn vẫn đóng vai trò chủ đạo, VNIndex đang có nhiều cơ hội thử thách lại ngưỡng cản gần quanh 98x, và tích cực hơn là 100x.
- NĐT được khuyến nghị chỉ mở mua mới quanh các ngưỡng hỗ trợ gần của cổ phiếu mục tiêu nhưng khống chế tỷ trọng ở mức an toàn.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 987 - 990

Kháng cự gần: 974 - 978

Hỗ trợ gần: 953 - 958

Hỗ trợ xa: 941 - 945

- F1 tăng điểm giảm co trong phiên trước khi mở rộng đà tăng hưng phấn đến cuối phiên.
- Lực cầu từ bên mua hoàn toàn chiếm ưu thế đã giúp cho chỉ số lấy lại ngưỡng cản gần quanh 950 (+5), hiện đã đảo vai trò là điểm đỡ gần của chỉ số. Mặc dù xu hướng giảm điểm trong trung hạn vẫn đóng vai trò chủ đạo, F1 đang có nhiều cơ hội thử thách lại ngưỡng cản gần quanh 98x, và tích cực hơn là 100x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chốt lời từng phần vị thế LONG tại các ngưỡng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

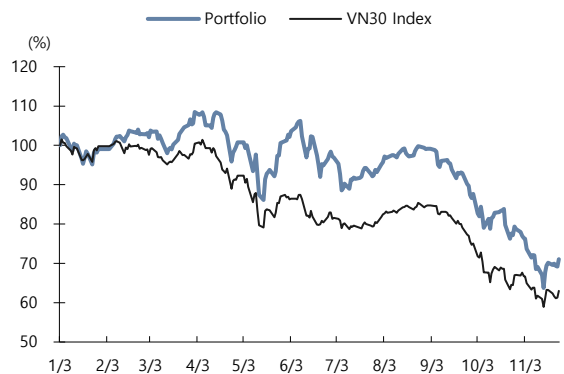
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	2.84%	2.74%
Tăng lũy kế (YTD)	-37.00%	-28.91%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 25/11/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	37,800	0.3%	-2.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	13,500	3.1%	-52.6%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	106,200	0.2%	38.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	112,000	4.7%	-41.7%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	70,400	0.9%	138.1%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	72,000	2.1%	196.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	25,800	4.9%	36.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	104,800	-0.9%	42.8%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	15,300	6.6%	37.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	17,700	5.7%	72.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CTG	4.9%	27.2%	128.6
VHM	4.4%	23.3%	111.8
HPG	6.6%	19.4%	97.1
VIC	6.6%	12.3%	85.9
VNM	1.2%	55.7%	85.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCB	0.1%	23.6%	-106.9
GAS	-1.0%	3.0%	-20.2
DIG	7.0%	3.9%	10.2
VHC	-7.0%	30.1%	-5.7
DGC	-1.2%	15.4%	-49.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	8.1%	0.5%	16.6
TNG	7.2%	5.9%	3.6
SHS	9.9%	5.7%	2.3
PVI	2.5%	58.9%	2.0
VCS	7.6%	3.0%	0.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
BCC	4.8%	1.2%	-0.6
NVB	7.3%	8.8%	-0.3
NTP	3.2%	17.8%	-0.2
TDT	2.9%	0.2%	-0.1
DAD	-0.6%	0.0%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	19.8%	TCH, HHS, SRF, SHA
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	12.3%	PLX, PGC, CNG, GSP
Nước	11.9%	BWE, TDM, SIL, CLW
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	9.9%	PVD, PVT
Cung cấp và dịch vụ thương mại	8.5%	TLG, ILB, APC, ST8

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-9.8%	MWG, FRT, CTF, HAX
Tiện ích khí	-8.3%	GAS, PGD, PMG
Thương mại & phân phối	-7.3%	VPG, TSC, BTT, TNA
Dịch vụ tài chính	-4.7%	EVF, OGC
Giấy & lâm sản	-3.2%	DHC, HAP, HHP, VID

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thực phẩm	16.0%	VNM, MSN, KDC, VHC
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	13.9%	TNH, JVC, VMD
Ngân hàng	10.3%	VCB, BID, VPB, TCB
Bao bì & đóng gói	9.7%	TDP, SVI, MCP, TPC
Phụ tùng oto	7.6%	DRC, CSM, PAC, TNC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Giấy & lâm sản	-32.7%	DHC, HAP, HHP, VID
Dịch vụ tài chính	-25.1%	EVF, OGC
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-24.0%	MWG, FRT, CTF, HAX
Thương mại & phân phối	-23.0%	VPG, TSC, BTT, TNA
Sản phẩm xây dựng	-20.2%	VGC, BMP, SHI, DAG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND tỷ, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)			ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	94,934 (3.8)	22.5	26.5	24.7	14.7	8.8	9.2	2.4	2.1	6.6	-0.9	15.9	-31.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	144,262 (5.8)	26.6	6.7	5.6	35.9	22.4	21.7	1.3	1.1	4.4	-2.1	5.4	-42.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	41,330 (1.7)	17.8	25.0	17.2	-7.6	7.8	10.6	1.9	1.8	1.1	-0.7	19.1	-9.0
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	222,275 (8.9)	31.3	7.3	6.1	6.7	14.1	15.2	1.0	0.9	-6.8	-	-	-77.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	59,126 (2.4)	11.6	11.9	10.9	13.7	12.5	12.4	1.4	1.2	6.9	1.6	6.9	-51.6
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	119,485 (4.8)	13.9	7.0	5.7	-	9.3	10.2	0.5	0.5	6.6	1.4	18.5	-69.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	96,347 (3.9)	6.3	13.0	11.3	11.7	22.6	20.6	2.5	2.1	0.1	-4.4	4.6	-7.2
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	69,772 (2.8)	12.7	14.0	10.8	-5.3	17.5	19.1	2.0	1.7	5.3	11.3	27.8	7.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	162,083 (6.5)	0.0	3.8	3.7	14.3	20.6	16.8	0.7	0.6	3.8	1.3	8.0	-54.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	210,829 (8.5)	1.4	7.0	5.9	50.3	17.5	19.2	1.1	1.1	4.9	4.5	14.9	-23.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	272,895 (11.0)	0.0	5.5	6.4	18.8	19.5	15.6	1.0	0.9	2.6	0.0	0.3	-35.1
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	219,122 (8.8)	0.0	4.2	3.7	14.6	24.6	23.0	0.9	0.7	3.2	3.2	-1.2	-32.7
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	44,079 (1.8)	4.2	4.9	4.1	23.3	23.6	22.0	1.0	0.8	1.0	-0.3	-6.6	-39.4
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	429,309 (17.3)	14.0	8.8	2.9	26.5	12.5	24.9	0.9	0.7	3.8	10.5	26.8	-40.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	79,534 (3.2)	0.0	5.5	4.7	37.4	20.4	19.7	1.0	0.8	1.5	-1.5	0.7	-50.5
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	107,571 (4.3)	0.2	-	-	27.3	17.7	14.6	-	-	0.8	-1.5	51.0	-43.3	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	38,444 (1.5)	21.0	16.4	13.3	15.8	9.9	11.5	1.5	1.5	2.7	-2.9	-6.2	-16.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,839 (0.2)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	6.4	8.7	13.0	-54.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	302,248 (12.2)	55.4	10.3	9.4	-3.2	15.2	13.1	-	-	6.9	5.2	13.6	-64.9
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	168,212 (6.8)	71.9	-	-	-4.0	22.7	20.9	-	-	6.9	7.5	12.0	-62.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	130,230 (5.2)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	6.9	8.4	11.7	-55.9
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	241,546 (9.7)	27.2	-	-	36.3	27.0	25.6	-	-	6.6	1.4	-1.7	-66.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	173,559 (7.0)	42.1	20.1	17.9	4.0	26.9	29.4	5.0	4.8	1.2	6.8	8.2	-4.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	29,641 (1.2)	36.9	22.5	20.0	7.3	23.1	22.8	4.8	4.2	-0.3	0.4	-4.2	19.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	98,735 (4.0)	16.5	25.5	17.8	-51.9	14.5	17.6	3.5	3.0	5.6	-1.3	25.3	-34.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	18,833 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.7	0.9	4.4	-65.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	23,594 (1.0)	11.0	43.1	27.3	-88.5	7.5	16.4	-	-	0.8	-0.2	-5.6	-20.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	35,076 (1.4)	10.8	14.7	14.5	-57.0	13.9	13.5	2.0	1.8	0.0	8.7	8.0	-2.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	58,129 (2.3)	38.4	4.4	23.5	65.7	14.3	2.4	0.6	0.6	6.7	5.8	16.7	-72.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	163,097 (6.6)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	6.4	1.5	13.6	-67.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	17,394 (0.7)	3.6	27.7	5.5	-52.4	1.0	4.8	-	-	5.2	7.4	24.7	-72.1
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	40,779 (1.6)	0.0	9.5	9.6	-4.5	16.4	15.3	1.4	1.2	0.9	2.0	10.3	17.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND triệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	37,358 (1.5)	46.1	14.4	15.4	-17.5	24.5	20.7	3.5	3.1	-0.9	-8.3	-2.2	8.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	24,216 (1.0)	31.4	9.1	8.4	-10.5	19.8	19.9	-	-	1.8	9.8	-4.0	-4.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,124 (0.0)	34.1	17.3	6.4	-5.1	5.0	13.0	-	-	0.0	0.0	16.2	-48.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	613,157 (24.7)	18.0	4.6	4.1	21.9	18.3	17.9	0.8	0.7	6.6	1.3	10.5	-57.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	92,963 (3.7)	36.5	3.1	4.6	-0.5	38.3	23.3	1.1	1.0	3.0	1.6	16.3	-24.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	116,702 (4.7)	46.5	3.6	5.9	-4.5	45.7	22.8	1.4	1.3	1.6	-0.4	18.3	-28.9
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	130,077 (5.2)	38.9	5.4	4.1	67.9	9.2	11.4	0.5	0.4	6.9	9.7	20.8	-68.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	20,070 (0.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	4.8	6.1	-4.8	-65.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	27,077 (1.1)	4.6	27.0	10.6	-51.0	4.7	12.0	1.2	1.7	2.7	12.5	0.9	-47.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	112,838 (4.5)	39.9	-	16.3	-11.9	0.0	3.3	0.5	0.5	3.8	4.2	28.8	-39.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	29,780 (1.2)	35.9	7.3	6.8	2.2	14.6	14.4	1.0	0.9	4.3	15.8	11.9	-24.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	156,824 (6.3)	0.0	10.1	7.5	14.4	24.3	27.7	1.9	1.6	0.3	10.3	27.3	-44.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	28,846 (1.2)	0.0	15.1	13.0	2.4	24.3	21.8	2.9	2.5	0.2	6.1	4.5	10.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,883 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	5.4	6.9	32.9	-66.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	109,813 (4.4)	30.3	12.5	10.1	-75.2	29.0	25.6	3.1	2.4	2.1	-9.5	23.4	-11.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	27,039 (1.1)	34.6	6.1	6.8	41.2	29.7	23.6	1.7	1.6	5.7	10.0	6.4	-42.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	712 (0.0)	45.4	11.4	10.8	10.7	22.0	21.1	2.5	2.3	-1.3	-3.0	-8.8	-28.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	87,273 (3.5)	0.0	14.5	12.2	15.5	27.4	28.5	3.8	3.1	2.1	0.7	-1.6	-7.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.